VÙNG CỬA SÔNG ĐÀNG NGOÀI THẾ KỶ XVII-XVIII

VỊ TRÍ CỬA SÔNG VÀ CẢNG DOMEA (*)

ĐỖ THỊ THÙY LAN*

Vùng cửa sông Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII cùng các địa danh Domea và Batsha là vấn đề quan trọng để nhận diện mối quan hệ của Việt Nam với phương Tây, để nghiên cứu về kinh tế - xã hội và đô thị Việt Nam trong giai đoạn "Thương mại Biển Đông" (1). Đề tài này đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học trong, ngoài nước (2) và một số nghiên cứu có liên quan (3). Tuy vậy, cho đến nay, những nghiên cứu về vấn đề này vẫn còn tản mát, chưa đầy đủ và thậm chí không chính xác. Trên cơ sở tổng hợp nhiều nguồn tư liệu (bản đồ, thư tịch cổ phương Tây, bản đồ, thư tịch cổ Việt Nam và tư liệu khảo sát thực địa), mục đích của bài viết này là đưa đến độc giả *một cái nhìn toàn diện về vùng cửa sông Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII*.

Vị trí vùng cửa sông Đàng Ngoài

Sông Đàng Ngoài (4) xuất hiện nhiều trên các bản đồ và thư tịch cổ phương Tây thế kỷ XVII-XVIII với tư cách là tuyến giao thương quan trọng nhất của người châu Âu tại vương quốc Đàng Ngoài giai đoạn này. Tuy nhiên, trong một thời gian dài, thậm chí cho đến nay, vị trí và khái niệm sông Đàng Ngoài vẫn chưa được xác định rõ.

Trước những năm 1990, trên các sách lịch sử, địa lý Việt Nam, sông Đàng Ngoài thường được chú thích là Sông Hồng chảy từ Hà Nội ra cửa Ba Lạt (hiện thuộc Nam Định) vì thứ nhất, trên thực tế hiện nay, dòng chính của sông Hồng đổ ra cửa này; và thứ hai, tấm *Bản đồ Sông Đàng Ngoài thế kỷ XVII* (5) khắc họa một con sông chảy từ Hà Nội xuôi qua Phố Hiến (Hưng Yên) (6) ra biển theo hướng Bắc - Nam, trùng hợp với dòng chính của sông Hồng ngày nay (xem bản đồ 1).

Tuy nhiên, khi so sánh với những bản đồ sông Đàng Ngoài của Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC) (7), hình dáng của sông không thay đổi nhưng hướng chảy đã khác hẳn: theo hướng Tây Nam - Đông Bắc (xem bản đồ 2). Điều này càng được chứng minh rõ khi Gutflaff mô tả sông Đàng Ngoài như sau: "Con sông từ đó chạy theo hướng Đông Nam. Có thủ phủ Bắc Kỳ là Kẻ Chợ hay Hà Nội [...] nằm ở phía bên bờ hữu ngạn. Nó đột nhiên ngoặt dòng ở Hiến, chảy theo hướng Bắc, hình thành một châu thổ, trong đó có địa điểm Domea là cảng của các tàu bè ngoại quốc ra vào thời xưa" (8).

Các tài liệu thư tịch thế kỷ XVII-XVIII cho thấy vị trí của cửa sông Đàng Ngoài

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH&NV-ĐHQGHN.

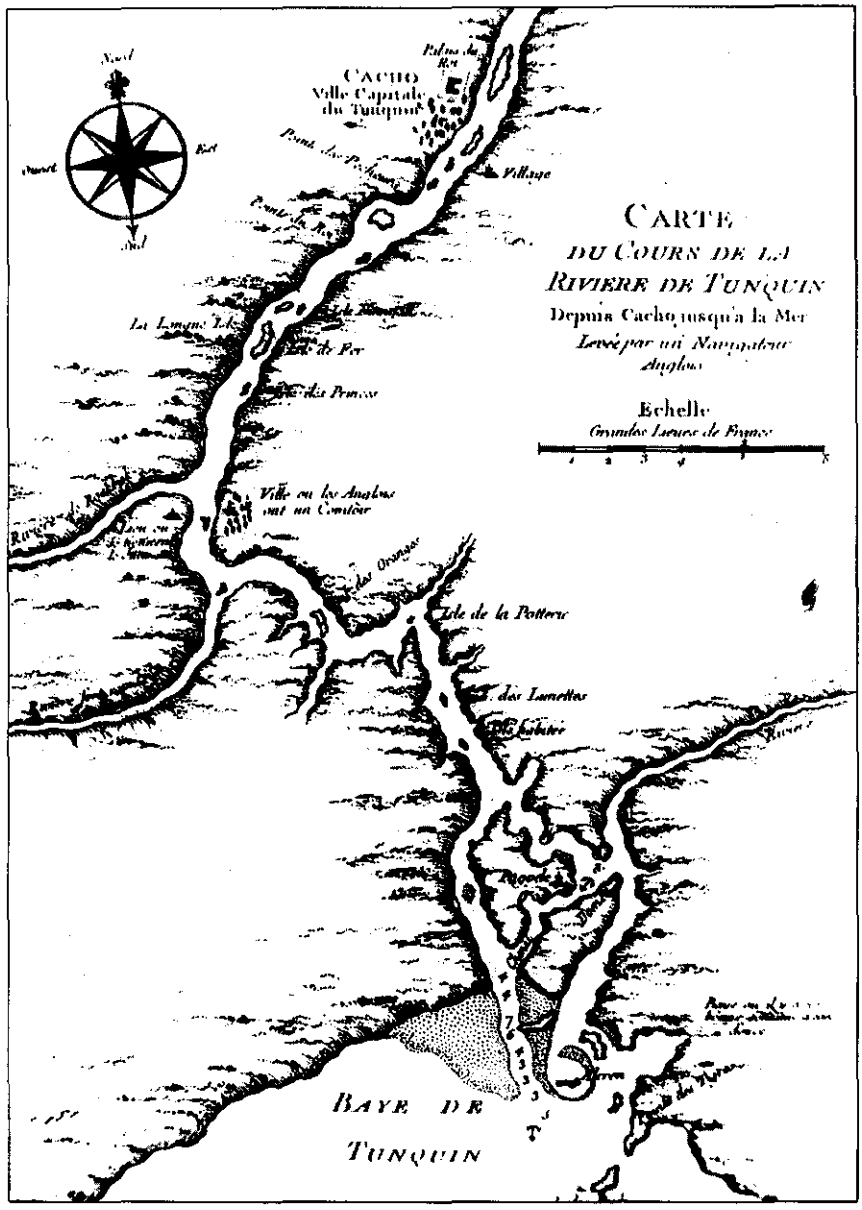

Hình 1: **Bản đồ sông Đàng Ngoài thế kỷ XVII**

không phải là cửa Ba Lạt. Trong chuyến du hành đến Đàng Ngoài vào năm 1688, William Dampier cho biết cửa sông ở vào khoảng vĩ độ 20^{0}45' (9), và những dấu mốc định hướng cho tàu thuyền vào sông Đàng Ngoài là Núi Voi, Đảo Ngọc (10). Trong tập tài liệu *Thương điếm Anh ở Đàng Ngoài* (11), Francis Davenport từ Batsha đã báo cáo lại những dấu mốc định hướng cho tàu thuyền vào cửa sông như sau: "Giả sử có một tàu Anh được đưa đến trước dải cát [...] nếu thời tiết ở trạng thái mà người hoa tiêu cho là có thể, hãy bắn những phát súng để gây sự chú ý vào ngay lúc đó và hướng vào Đảo Ngọc ở phía Đông Bắc, đảo Alcoran ở phía Bắc chếch Đông và Núi Voi ở phía Tây

Bắc chếch Bắc, thuyền trưởng sẽ ra lệnh đi vào và hạ neo ở mức nước là 5¼ sải, ở nơi đất mềm..." (12).

Núi Voi và Đảo Ngọc đều thuộc Hải Phòng ngày nay. Sách *Đại Nam nhất thống chí* có chép: "Núi Voi ở cách huyện An Lão 8 dặm về phía Tây Bắc, hình thể như con voi nằm, núi có hang, trong có thạch nhũ" (13). Đảo Ngọc nay đã nối liền vào bán đảo Đồ Sơn (14), Hải Phòng. Hiện nay vẫn còn dấu vết sụp đổ của ngọn tháp cổ Tường Long trên đỉnh Núi Ngọc, phường Ngọc Xuyên, Thị xã Đồ Sơn với nhiều phế tích kiến trúc từ thời Lý cho thấy đây có thể là "trạm quan sát" Đảo Ngọc thế kỷ XVII-XVIII. *Đại Nam nhất thống chí* đã chép: "Tháp cũ Đồ Sơn: ở xã Đồ Sơn, huyện Nghi Dương, cao trăm thước, dựng từ đời Long Thụy Thái Bình triều Lý; năm Gia Long thứ ba, phá tháp lấy gạch đá xây thành trấn Hải Dương" (15). Còn tháp Alcron (hay Alcoran) theo bản đồ *La Rivière de Tonquin* (bản đồ 3) cũng là một tháp cổ trên đỉnh núi ở Mũi Hổ (16), nay đã nằm sâu trong đất liền (khoảng huyện Kiến Thụy?).

Đối chiếu với các sách *Lịch triều hiến chương loại chí* (17), *Đại Nam nhất thống chí* (18), *Sử học bị khảo* (19), *Đại Việt địa dư toàn biên* (20), *Đồng Khánh địa dư chí* (21), kết hợp với thực địa, có thể hình dung sông Đàng Ngoài gồm những đoạn sông cụ thể sau: Sông Nhị Hà/sông Hồng chảy từ Thăng Long - Kẻ Chợ theo hướng Đông Nam về địa phận tỉnh Hưng Yên, tại đây, sông mang tên địa phương là sông Xích Đằng hay Đằng Giang. Sông Xích Đằng đến ngã ba Hải Triều/ngã ba sông Luộc (gần Phố Hiến), chia một dòng chảy ngoặt về hướng Đông Bắc mang tên sông Luộc. Đoạn tiếp nối - sông Luộc - này có các đoạn sông mang tên địa phương như sông Hải Triều, sông Nông (Nông Giang) chảy theo hướng Tây Nam - Đông Bắc sang giang phận Hải Phòng rồi đổ ra biển theo các chi lưu của hệ thống sông Thái Bình là sông Hóa, Hạ lưu sông Thái Bình và sông Văn Úc, trong đó Hạ lưu sông Thái Bình (Tiên Lãng) là dòng chính. *Vùng cửa sông Đàng Ngoài là vùng cửa sông Thái Bình*. Cửa biển Thái Bình, tức cửa biển Ngải Am, là một cửa biển lớn, được khắc họa trên bản đồ Hồng Đức, bản đồ *Đồng Khánh địa dư chí* (22) và được chép trong *Dư địa chí* (22), *Đại Nam nhất thống chí* (23), *Đại Việt địa dư toàn biên* (24), và các bộ địa lý lịch sử khác.

Tuy nhiên, cho đến nay cũng có cách hiểu về sông Đàng Ngoài với một nội hàm rộng hơn (25). Quan niệm này xuất phát từ những ghi chép của William Dampier trong du hành ký năm 1688. Theo Dampier, sông Đàng Ngoài bao gồm cả hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình ngày nay, trong đó hai cửa quan trọng nhất là cửa Đáy (Rokbo/Độc Bộ) - chi lưu của hệ thống sông Hồng; và cửa Thái Bình (Domea)- thuộc hệ thống sông Thái Bình (26). Tuy vậy, theo ý kiến của chúng tôi, quan niệm này vẫn chưa chính xác, vì: *thứ nhất*, Dampier còn chưa phân định rõ đó là *hai nhánh sông/cửa sông* của một con sông hay *hai con sông* khác nhau; *thứ hai*, thời điểm này khái niệm sông Đàng Ngoài chưa định hình đối với Dampier, thể hiện ở việc ông vẫn gọi đây là "sông chính của Đàng Ngoài", rồi phải tìm cách đặt tên cho cửa sông; và đặc biệt là trên tất cả các bản đồ phương Tây về Đàng Ngoài thời kỳ này, rõ ràng nhánh sông Rokbo đổ ra cửa Đáy không được gộp chung với sông Đàng Ngoài. Bản đồ *sông Đàng Ngoài thế kỷ XVII*, nhánh Rokbo được vẽ rất nhỏ, không phải dòng chính của sông Đàng Ngoài; bản đồ *sông Đàng Ngoài* (*De Rivier Toncquin*) của VOC, nhánh

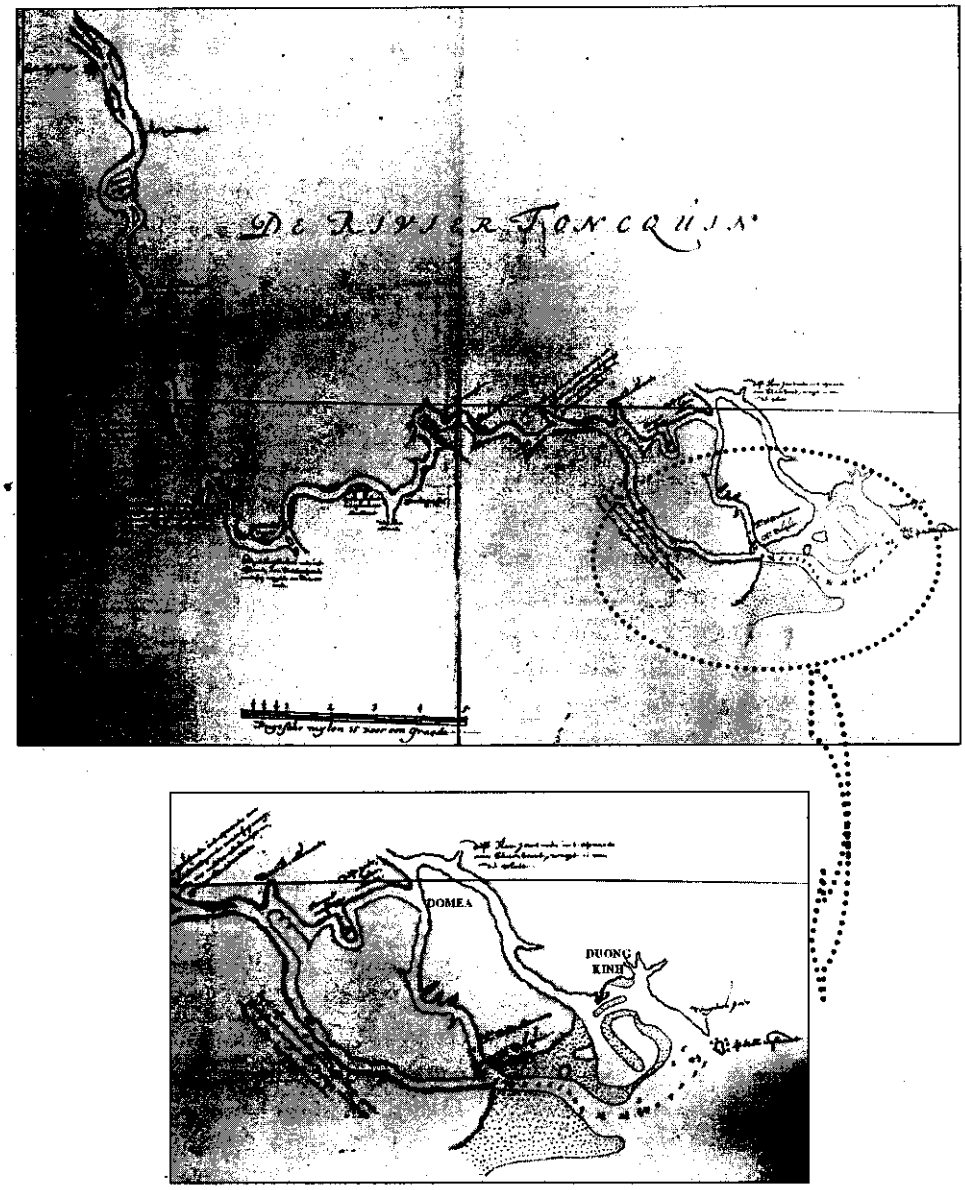

Hình 2: **Bản đồ *De Rivier Toncquin* (*Sông Đàng Ngoài*) của VOC**

Rokbo bị bỏ qua; và trên các bản đồ toàn cảnh Đàng Ngoài Việt Nam, sông Đàng Ngoài chỉ duy nhất có một nhánh chảy từ Kẻ Chợ đến cửa Thái Bình.

Tóm lại, chúng tôi cho rằng *sông Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII là một phức hệ sông, gồm đoạn sông Hồng chảy từ Thăng Long - Kẻ Chợ đến ngã ba Hải Triều (gần Phố Hiến - Hưng Yên); toàn bộ sông Luộc chảy từ Hưng Yên đến ngã ba Quý Cao (Hải Phòng); và đổ ra biển Đông ở ba chi nhánh thuộc Hạ lưu hệ thống sông Thái Bình là sông Hóa, Hạ lưu sông Thái Bình và sông Văn Úc, trong đó Hạ lưu sông Thái*

Bình thuộc địa phận huyện Tiên Lãng (Hải Phòng) là dòng chính.

Hạ lưu sông Thái Bình thế kỷ XVII-XVIII

Trong vùng cửa sông Đàng Ngoài, hạ lưu sông Thái Bình là dòng chính. Trên *Bản đồ sông Đàng Ngoài thế kỷ XVII* đây là nhánh sông ở giữa có chữ "channel" (kênh nước); Bản đồ *sông Đàng Ngoài* (*De Rivier Toncquin*) của VOC chỉ dẫn cụ thể cho các tàu thuyền chỉ nên đi vào nhánh sông này, hai nhánh còn lại bất tiện bởi có cát và thủy triều thất thường. Gutflaff khi mô tả về Sông Đàng Ngoài cũng nói rõ: "Con sông có ba cửa, cửa cực Bắc có mực nước sâu nhất, cửa phía Nam thì gần như không ra vào được đối với các tàu thuyền có mức ngấn nước trên 10 bộ, vì có các dải cát và các vụng nước nông" (27). Nhánh "channel" hay "cửa cực bắc" này cũng đã được đặc tả riêng bởi một bản đồ mang tên chữ Pháp *La Rivière de Tonquin* (*Sông Đàng Ngoài*) (lưu trữ VOC), cho thấy mức độ quan trọng của nó đối với giao thông đường thuỷ tại khu vực cửa sông Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII (bản đồ 3).

Tuy vậy, vấn đề đặt ra là phải tìm lại dấu vết của Hạ lưu sông Thái Bình thế kỷ XVII-XVIII. Theo các nhà địa chất, Hạ lưu sông Thái Bình trên địa bàn huyện Tiên Lãng ngày nay đã qua ít nhất là hai lần đổi dòng. Thực chất đó là quá trình hoán đổi vai trò giữa các lạch thoát triều vốn đã được tạo ra do quá trình thành tạo địa hình của vùng cửa sông. Và sông Thái Bình ở vị trí ngầy nay mới chỉ là kết quả của lần đổi dòng thứ ba (28). Hơn thế, về sông Thái Bình trong giang phận huyện Tiên Minh (tên cũ của Tiên Lãng), sách *Đồng Khánh địa dư chí* chép: "Một dòng sông lớn từ ngã ba Thiệu Mỹ huyện Thanh Hà đổ ra ngã ba Quý Cao, qua cửa sông Ngải Am, đổ ra biển ở cửa Thái Bình, dài 40 dặm. Trong đó: Đoạn từ ngã ba Thiệu Mỹ đến ngã ba Quý Cao, dài 6 dặm, rộng trên 60 trượng [...]; Đoạn sông từ ngã ba Quý Cao đến cửa sông Ngải Am dài 30 dặm, rộng trên dưới 100 trượng [...]; Đoạn sông từ cửa Ngải Am đến cửa Thái Bình, dài 4 dặm, rộng trên dưới 100 trượng" (29). Như thế, nghĩa là đến cuối thế kỷ XIX, cửa sông Ngải Am đã tiến ra biển 4 dặm. Vậy, ở thế kỷ XVII, cửa sông Đàng Ngoài nằm ở vị trí nào?

Đối chiếu dấu tích dòng sông cổ trên bản đồ Đồng Khánh với tư liệu khảo sát địa bàn huyện Tiên Lãng, chúng tôi thấy có vết tích sông cổ đổ ra Cống Đôi (xã Tiên Minh) vốn là dòng chính của sông Thái Bình trước đây. Và nó là nhánh "channel" trên *Bản đồ Sông Đàng Ngoài thế kỷ XVII*. Vết tích sông cổ có những điểm đáng chú ý sau đây:

Thứ nhất, về mặt phạm vi, đoạn sông có thể chia làm hai đoạn: đoạn thứ nhất có tên dân gian Đò Mè, ranh giới tự nhiên giữa huyện Tiên Lãng với huyện Tứ Kỳ (Hải Dương); và đoạn thứ hai từ ngã ba sông Luộc chảy dọc phần còn lại của huyện Tiên Lãng rồi đổ ra biển ở Cống Đôi.

Đoạn sông Đò Mè chảy từ ngã ba sông Mía (tức cửa Mía Tây, làng Giang Khẩu xã Đại Thắng) chảy men theo các làng Để Xuyên, Châm Khê xã Đại Thắng, thôn Nhuệ Động, làng Đại Công, Đại Độ xã Tiên Cường đến bến phà Quý Cao cũ thì hòa nước với sông Luộc tại một khu vực địa hình trũng thấp với những địa danh "Lác" (cây lác) như làng Lác, chùa Lác, bến đò Lác, sông Luộc/ sông Lác. Theo các nhà địa chất thì đây là một vụng biển cổ cách ngày nay khoảng 2.000 năm, nằm tại khu vực sông Mới (30) và giữa các xã Tiên Cường, Tự Cường, Khởi Nghĩa, Quyết Tiến huyện Tiên Lãng và xã Giang Biên huyện Vĩnh Bảo (31). Có thể thấy, đoạn sông Đò Mè,

tức đoạn sông Thái Bình từ ngã ba sông Luộc trở lên trên, không thuộc tuyến sông Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII. Trên các bản đồ của Anh và Hà Lan, nó được vẽ rất nhỏ hoặc thậm chí bị bỏ qua.

Đoạn thứ hai tiếp nối từ ngã ba sông Luộc chảy đến giang phận xã Khởi Nghĩa ở các làng An Dụ, An Tử; khu vực Trại Cá xã Quyết Tiến; các làng Hà Đới, Ngọc Động, Đồng Cống, Lai Phương xã Tiên Thanh; làng Phú Kê Thị trấn Tiên Lãng; các làng Phương Lai, Kinh Lương xã Cấp Tiến; các làng Vọng Hải, Xuân Quang, Xuân Lai xã Bạch Đằng; các làng Đông Xuyên Nội, Tiên Đôi Nội, Hộ Tứ xã Đoàn Lập; qua làng Tự Tiên rồi đổ ra biển ở khu vực Đò Đền - Cống Đôi, phía Tây Bắc làng Phương Đôi (xã Tiên Minh). Đoạn sông này, tức là từ ngã ba sông Luộc đổ ra biển, chính là đoạn "channel" mà bản đồ *Sông Đàng Ngoài* (*La Rivière de Tonquin*) của VOC đã tập trung mô tả.

Thứ hai, theo khảo sát của chúng tôi, những dấu vết tự nhiên, di tích, làng mạc, những địa danh, phong tục tập quán, sản xuất của cư dân dọc sông cổ đều cho thấy đây là tuyến đường thủy trọng yếu nhất của huyện Tiên Lãng nói riêng và của cả vùng cửa sông Thái Bình nói chung trong khoảng thời gian ít nhất từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII.

Về dấu vết tự nhiên, đoạn sông cổ để lại những dải đầm, ao, hồ, ruộng trũng, đất trũng, đáng kể như khu vực Bến Ốc, khu vực phía Đông Nam làng An Dụ, các cánh đồng Láng làng An Tử (xã Khởi Nghĩa); Đầm Lôi (32), Đầm Nhân Vực, Chợ Đầm (Thị trấn Tiên Lãng, xã Cấp Tiến); Đầm Vọng Hải, Sông Tray (33) (các xã Bạch Đằng, Tiên Minh).

Những di tích dọc sông cổ cho thấy đây đã từng là một tuyến đường thuỷ có tính quân sự trong lịch sử.

Đền Hà Đới (xã Tiên Thanh) thờ vị tướng Trần Quốc Thành đã tham gia kháng chiến chống Mông Nguyên năm 1285 và 1288. Theo *Hà Đới linh từ thần phả*, Trần Quốc Thành đã tuân lệnh vua Trần Nhân Tông đem quân tuần hành đến khu vực trang Hà Đới, huyện Tiên Minh, phủ Nam Sách, trấn Hải Dương, "thấy địa thế tiếp giáp ven biển, diện tích bằng phẳng, lại có sông lớn bao bọc, địa thế thuận lợi về thủy chiến, nên đã thiết lập đồn trại, kiến tạo chiến thuyền, chiêu mộ binh sỹ, luyện tập thủy quân, chờ lệnh xuất phát..." (34) Làng Phú Kê (Thị trấn Tiên Lãng) cũng thờ Trần Quốc Thành làm "Đương cảnh thành hoàng" vì tương truyền khu vực gò cát cao của làng bên bờ Đầm Lôi là kho quân lương của vị tướng này.

Hai làng Đồng Cống và Lai Phương nằm bên bờ Đầm Lôi cùng thờ chung vị thành hoàng Thiên quan Lý Vực tôn thần Trần Quốc Diên. Theo bản thần tích của làng Đồng Cống, Trần Quốc Diên nguyên họ Hoàng, làm quan dưới thời nhà Trần, đã có công dẹp giặc Kim Đầu ở vùng biển Đông. Thần tích có đoạn viết: "Khi ấy ở vùng biển Đông có giặc phương Bắc, gọi là giặc Kim Đầu kéo đến. Vua Trần chọn người có thể phá được giặc. Tôn thần vui vẻ nhận mệnh, dẫn binh ra cửa biển Thái Bình, hóa phép đi trên mặt nước [...] Quân giặc bị đánh bại, biển Đông lại được bình yên, quan quân khải hoàn đi qua hai xã Đồng Cống (xưa gọi là Lăng Đông) và xã Lai Phương (xưa gọi là Lai Hoa) huyện Tiên Minh. Các kỳ lão trong xã ra nghênh bái yết [...] Trần triều phong làm Thiên quan Lý Vực hầu do ngài có tài đi trên mặt nước vậy..." (35). Theo tư liệu dân gian ở hai làng Đồng Cống

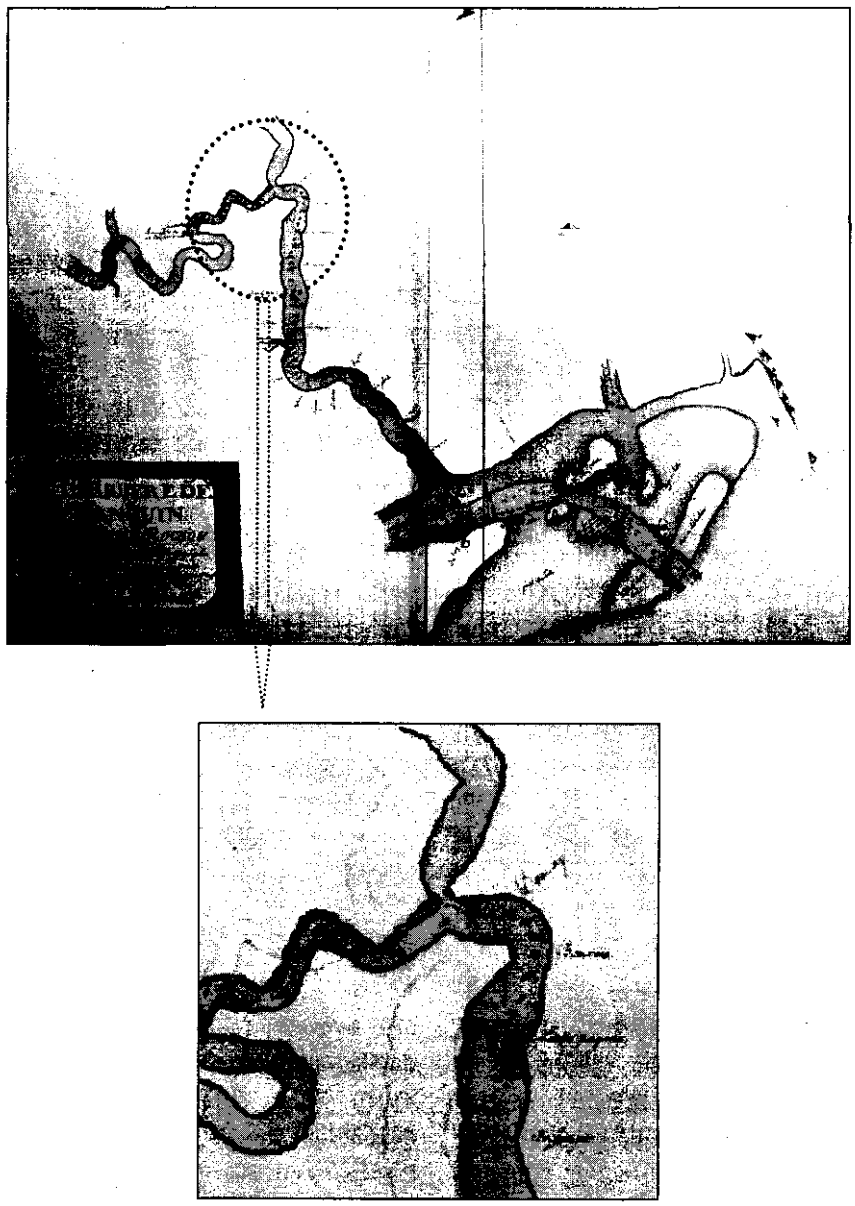

Hình 3: Bản đồ *La Rivier de Tonquin* (*Sông Đàng Ngoài*) của VOC tập trung mô tả dòng chính của hạ lưu sông Đàng Ngoài (tức hạ lưu sông Thái Bình cổ) với địa danh Domay/Domea

và Lai Phương, Trần Quốc Diên đã dẫn quân đi qua khúc sông cổ này để ra cửa biển Thái Bình.

Khu vực cửa sông cổ thuộc làng Phương Đôi (xã Tiên Minh) hiện còn dấu vết một "đồn biên phòng" trấn giữ cửa biển Ngải Am. Dấu vết của đồn này là khu vực "Táo pháo tiền triều", nơi chuyên đặt đại bác, súng thần công. Sau nhiều biến đổi, hiện khu Táo pháo vẫn cao hơn xung quanh

khoảng 4m, rộng khoảng 3 đến 4 mẫu Bắc Bộ, đi từ biển vào cách khoảng 4km đã nhìn thấy rõ địa điểm này. Khi san đất, dân địa phương thường xuyên tìm thấy những quả đạn đại bác với kích thước lớn. Cách khu Táo pháo khoảng 800m ra phía bãi ven sông là khu "Trường Bắn" tương truyền là nơi binh lính luyện bắn. Ở đây cũng có những địa danh đáng chú ý khác như Xóm Táo Pháo, Xóm Đồn, Hồ Đồn, Cửa Đồn, Cổng Đồn, Ông Tướng Đốc. Bản đồ *Đồng Khánh địa dư chí* cũng khắc họa rõ nét khu Đồn này, đặt ngay cạnh con sông cổ mà chúng ta đang khảo sát với tên gọi "Ngải Am hữu đồn" (36). Sách *Đồng Khánh địa dư chí* cũng chép thêm: "Hữu đồn Ngải Am ở địa phận xã Phương Đôi huyện Tiên Minh. Tả đồn Ngải Am ở địa phận xã Ngải Am huyện Vĩnh Bảo" (37).

Thứ ba, về mặt địa chất, đoạn sông cổ từ ngã ba sông Luộc đổ ra biển, tức nhánh "channel" trên *Bản đồ sông Đàng Ngoài thế kỷ XVII* có những đặc điểm đáng chú ý. Theo các nhà địa chất học thì trong quá trình mở rộng đồng bằng, ở châu thổ Bắc Bộ nói chung và Hải Phòng nói riêng đã hình thành nên nhiều hệ thống đê cát cổ. Hệ cát 1 cao từ 4 đến 6m, tương đương thềm tích tụ bậc II, tuổi Toàn Tân giữa, kéo dài từ Khởi Nghĩa, Tiên Tiến huyện Tiên Lãng qua quốc lộ số 10, huyện Thuỷ Nguyên và tiếp tục sang Quảng Yên (38). Cũng theo những nghiên cứu này, làng Phương Đôi (xã Tiên Minh) cũng nằm trên một hệ thống đê cát cổ khác kéo dài từ khu vực Cổ Am huyện Vĩnh Bảo qua xã Tiên Minh, Toàn Thắng của huyện Tiên Lãng chạy qua xã Tân Trào huyện Kiến Thụy, qua Cát Bi, Tràng Cát rồi ra Cát Hải cao khoảng từ 3 đến 3,5m (39). Như vậy, hai đầu của đoạn sông này được giới hạn bằng hai hệ đê cát cổ là hệ Khởi Nghĩa và Phương Đôi (Tiên Minh). Vì vậy, địa thế hai khu vực này đều cao và ổn định. Trong bối cảnh vùng cửa biển với nhiều biến động, địa phận Khởi Nghĩa và Phương Đôi rõ ràng có lợi thế nhiều mặt so với những địa điểm khác.

(Còn nữa)

CHÚ THÍCH

(*). Bài viết đã nhận được sự cố vấn khoa học từ PGS.TS Nguyễn Quang Ngọc; PGS.TS Nguyễn Thừa Hỷ, ThS. Hoàng Anh Tuấn, các thầy cô Bộ môn Lịch sử Việt Nam Cổ -Trung đại và các đồng nghiệp đã cung cấp một số tư liệu và có những ý kiến trao đổi quý báu.

(1). Thuật ngữ "Thời kỳ Thương mại" lần đầu tiên được sử dụng trong Anthony Reid, *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680* (*Đông Nam Á trong Thời kỳ Thương Mại 1450-1680*), 2 tập, Yale University, New Haven, 1988, 1993, để chỉ giai đoạn phát triển của thương mại Đông Nam Á, chủ yếu là thương mại hàng hải trên Biển Đông (tức Biển Nam Trung Quốc / South China Sea trên các hải đồ quốc tế), bắt đầu từ giữa thế kỷ XV và kết thúc bằng cuộc "Khủng hoảng thế kỷ XVII". Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng, xét trên bối cảnh toàn khu vực, đặc biệt với Đông Nam Á lục địa, thương mại vẫn tiếp tục phát triển đến cả thế kỷ XVIII. Xem Victor Lieberman, "An Age of Commerce in Southeast Asia? Problems of Regional Coherence - A Review Article" (Một Thời kỳ Thương Mại ở Đông Nam Á? Những vấn đề của Liên kết Khu vực - Bài viết Phê bình), *Journal of Asian Studies*, Vol. 54, No. 3 (Aug., 1995), p. 796-807.

(2). Charles B. Maybon, *Au Sujet de La "Rivière du Tonkin"* Société de L'Histoire des Colonies Françaises, Paris, 1916 và *Une factorerie Anglaise au Tonkin au XVII è siècle* (*Một thương điếm Anh ở Đàng Ngoài vào thế kỷ XVII*), BEFEO, 1910; Henri Bernard, *Pour la compréhension de L´Indochine et*

de L'Occident, Hanoi, 1939; Nguyễn Quang Ngọc, phát biểu tại Hội thảo Quốc tế về Phố Hiến, Hải Hưng, 1992. Xem thêm Nguyễn Quang Ngọc, "Sông Đàng Ngoài và vị thế Phố Hiến xưa", Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 10, năm 2001; Nguyễn Thừa Hỷ, "Sông Đàng Ngoài và Domea, một đô thị cổ đã biến mất?", Tạp chí *Xưa Nay*, số 4 (05), tháng 7 năm 1994; Trần Quốc Vượng, "Phố Hiến - Hưng Yên, một tiếp cận địa văn hóa", Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 10, năm 2001; Vũ Minh Giang, "Một số vấn đề về lịch sử Hải Phòng trong các thế kỷ XVI-XVIII", Tham luận trình bày tại Hội thảo Khoa học về Lịch sử Hải Phòng, tháng 01 năm 2002.

(3). Xem thêm Dr. Gutflaff, "Geography of the Cochinchina Empire", *Journal of the Royal Geographical Society*, London, Vol. 19, 1849; Donald F. Lach & Edwin J. Van Kley (1993), *Asia in the Making of Europe (Châu Á trong sự hình thành của châu Âu)*, Vol. III: *A Century of Advance (Một Thế kỷ của Tiến bộ)*, The University of Chicago Press, 1998; David E. Cartwright FRS, "The Tonkin Tides Revisited", *The Royal Society*, London, Vol. 57, No. 2, 2003; Nguyễn Văn Kim, "Ngoại thương Đàng Ngoài và mối quan hệ Việt - Nhật thế kỷ XVII", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 3, năm 2005.

(4). Sông Đàng Ngoài: "Tonkin River", hay "De Rivier Toncquin" trên các bản đồ Hà Lan và "The River of Tonqueen" theo cách gọi của Công ty Đông Ấn Anh.

(5). Bản đồ do một nhà hàng hải Anh vẽ vào thế kỷ XVII. Sau đó, năm 1755, một nhà nghiên cứu bản đồ người Pháp Jacques Nicolas Bellin vẽ lại, tên chữ Pháp là *Carte du Cours de la Rivière de Tunquin depuis Cacho jusqu'à la Mer, Levée un Navigateur Anglais (Bản đồ dòng chảy Sông Đàng Ngoài từ Kẻ Chợ ra đến biển, vẽ bởi một nhà hàng hải người Anh)*. Bản chúng tôi dùng ở đây được in và giới thiệu trong R. T. Fell, *Early Maps of Southeast Asia*, Oxford University Press, Singapore, 1988. Bản gốc hiện được lưu giữ tại Thư viện Anh (Luân Đôn). Từ đây xin gọi tắt là *Bản đồ sông Đàng Ngoài thế kỷ XVII*.

(6). Trên *Bản Đồ sông Đàng Ngoài thế kỷ XVII*, Phố Hiến được ghi là: "Ville où les Anglais ont un Comptoir": Thành phố nơi mà người Anh có một chi nhánh (tức thương điếm).

(7). Bản đồ *De Rivier Toncquin (Sông Đàng Ngoài)*; bản đồ *Kaart van Toncquin van de mond to aan de Holands' che logic groot 0.52. 0.74 El - M.S. A.A.* (tạm dịch là *Bản đồ Đàng Ngoài*); và một số bản đồ khác, Lưu trữ Quốc gia Hà Lan tại Den Haag.

(8). Dr. Gutflaff, "Geography of the Cochinchina Empire", sđd, tr. 86-87.

(9). William Dampier (1688), *Voyages and Discoveries*, The Argonaut Press, London, 1931, p. 14, 15, 19.

(10). Núi Voi: The Elephant, Elephant Mountain; và Đảo Ngọc: Pearl Island, I. des Pearles hay Paerlen Eijlant theo tài liệu Hà Lan.

(11). Đây là tập hợp những Journal Register (Ghi chép công việc hàng ngày) bằng tiếng Anh cổ thế kỷ XVII, bao gồm nhật ký, báo cáo, thư từ của các nhân viên Công ty Đông Ấn Anh, chi nhánh thương điếm ở Đàng Ngoài Việt Nam từ tháng 6-1672 đến tháng 11-1697 nhưng khuyết thiếu 10 năm từ 1683 đến 1693, được lưu trữ tại Văn phòng Ấn Độ (Oriental and Indian office collection), Thư viện Quốc gia Anh, ký hiệu G/12/17, gồm 10 tập với hơn 1.000 trang đánh máy. Nguồn tư liệu này đã được giới thiệu với các học giả Việt Nam đầu tiên vào năm 1910 do Charles Maybon trong "Une factorerie Anglaise au Tonkin au XVII^{e} siècle (Inventaire et description des documents manuscripts de l'India Office)" (Một thương điếm Anh ở Đàng Ngoài vào thế kỷ XVII (Thư mục và mô tả các tài liệu viết tay của Văn phòng Ấn Độ)), B.E.F.E.O., Hà Nội, 1910, tuy nhiên đây mới chỉ là danh mục tài liệu. Năm 1992, tại Hội thảo Quốc tế về Phố Hiến, Tiến sĩ Anthony Farrington (Thư viện Anh) với tham luận "English East India Company Documents Relating to Hien and

Tonkin" (Những tài liệu của Công ty Đông ấn Anh liên quan đến Phố Hiến và Đàng Ngoài) đã công bố một cách hệ thống nguồn tư liệu này cùng khái quát nội dung và địa chỉ lưu trữ. Farrington sau đó đã tặng PGS.TS Nguyễn Quang Ngọc một bản đánh máy tập hợp những tư liệu này từ năm 1672 đến 1683 mang tên *British Factory in Tonkin (Thương điếm Anh ở Đàng Ngoài)* kèm bản phôtô tư liệu gốc viết tay. Chúng tôi sử dụng nguồn tài liệu gốc chưa xuất bản này kết hợp đối chiếu với bản gốc phôtô.

(12). *Thương điếm Anh ở Đàng Ngoài*, G/12/17, tập 5 từ 02-7-1678 đến 28-5-1679, thư ngày 12-7-1678.

(13). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch, tập III, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 350.

(14). Đảo Ngọc (hay Pearl Island) thường xuyên xuất hiện trong bản đồ thư tịch cổ phương Tây thế kỷ XVII-XVIII. Các nhà nghiên cứu cho rằng nó có nhiều khả năng là đảo Hòn Dấu, Thị xã Đồ Sơn, Hải Phòng ngày nay (Xem Nguyễn Thừa Hỷ, "Sông Đàng Ngoài và Domea, một đô thị cổ đã biến mất?", tlđd, tr. 24; Đỗ Thị Thuỳ Lan, "Vùng cửa Sông Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII và dấu tích hoạt động của thương nhân phương Tây", Luận văn cử nhân, Hà Nội, 2003, tr. 20). Tuy nhiên, theo những khảo cứu thực địa mới đây của PGS.TS Nguyễn Quang Ngọc và các cán bộ nghiên cứu Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, Đảo Ngọc ở thế kỷ XVII-XVIII đến nay có thể đã được bồi tụ và ăn liền với bán đảo Đồ Sơn, nhiều khả năng là khu vực với các địa danh "Ngọc" là Núi Ngọc, phường Ngọc Xuyên, Thị xã Đồ Sơn. Còn Hòn Dấu là đảo hình thành sau này.

(15). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch, tập III, sđd, tr. 389.

(16). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, bản dịch, tập I, Nxb, Sử học, Hà Nội, 1960, tr. 80.

(17). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch, tập III, sđd, tr. 113, 280, 281, 382.

(18). Đặng Xuân Bảng, *Sử học bị khảo*, Viện Sử học & Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1997, tr. 174-176.

(19). Phương Đình Nguyễn Văn Siêu, *Đại Việt địa dư toàn biên*, bản dịch, Viện Sử học & Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1997, tr. 350-381.

(20). *Đồng Khánh địa dư chí*, bản dịch, tập I, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003, tr. 248-251.

(21). *Đồng Khánh địa dư chí*, tập III: Bản đồ, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003. Bản đồ Huyện Tiên Minh.

(22). *Nguyễn Trãi toàn tập*, Viện Sử học & Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr. 219.

(23). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch, tập III, sđd, tr. 392.

(24). Phương Đình Nguyễn Văn Siêu, *Đại Việt địa dư toàn biên*, bản dịch, sđd, tr. 387.

(25). Xem Nguyễn Thừa Hỷ, "Sông Đàng Ngoài và Domea, một đô thị cổ đã biến mất?", tlđd, tr. 24; Nguyễn Văn Kim, "Ngoại thương Đàng Ngoài và mối quan hệ Việt - Nhật thế kỷ XVII", tlđd, tr. 20; Hoàng Anh Tuấn, "Thương cảng Đông Bắc và Hệ thống Thương mại Đàng Ngoài thế kỷ XVII qua các nguồn tư liệu phương Tây", trong Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), *Hệ thống cảng biển vùng duyên hải Bắc Bộ thế kỷ XI-XIX: Lịch sử và Hiện trạng*, Đề tài khoa học trọng điểm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, Lưu tại Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2006.

(26). William Dampier (1688), *Voyages and Discoveries*, sđd, tr. 14.

(27). Dr. Gutflaff, "Geography of the Cochinchina Empire", Bđd, tr. 86-87.

(28). Nguyễn Hữu Cử, Trần Đức Thạnh, *"Đặc điểm địa chất - địa mạo huyện Tiên Lãng"*, trong Ban Nghiên cứu Lịch sử Hải Phòng, *Đất và người Tiên Lãng*, Nxb. Hải Phòng, Hải Phòng, 1987, tr. 22-23.

(29). *Đồng Khánh địa dư chí*, bản dịch, tập I, sđd, tr. 119.

(30). Sông Mới là sông do thực dân Pháp đào thêm năm 1936 ở khu vực phía Bắc huyện Tiên

Lãng, ngăn cách cụm ba xã đường 10 (Đại Thắng, Tiên Cường, Tự Cường) với các xã Tiên Tiến, Khởi Nghĩa và khu vực trung tâm huyện lị. Sông Mới thông nước từ sông Luộc sang sông Văn Úc, do vậy, sông Văn Úc là dòng mạnh hiện nay, đồng thời Hạ lưu sông Thái Bình do chia sẻ lượng nước từ sông Luộc đổ ra biển nên đang cạn dần.

(31). Nguyễn Đức Cự, Trần Đức Thạnh, "Nguồn gốc hình thành và vấn đề khai thác, sử dụng vùng đất Tiên Lãng" và "Đặc điểm địa chất - địa mạo huyện Tiên Lãng", trong *Đất và người Tiên Lãng*, sđd, tr. 11, 21.

(32). Đầm Lôi là một đầm lớn của huyện Tiên Minh xưa, được các sách *Lịch triều hiến chương loại chí* (tập I, sđd, tr. 104) chép với tên "đầm Lôi Tân"; trên các bản đồ và ghi chép của *Đồng Khánh địa dư chí* (tập I, sđd, tr. 118-119; tập III, sđd, Bản đồ huyện Tiên Minh và bản đồ phủ Nam Sách) với tên "Lôi Đàm", "Lôi Trạch"; cũng như các tài liệu bi ký, văn tự ở địa phương. Đầm Lôi còn có tên dân gian là Sông Cầm. Hai tên này được dùng suốt dọc dòng sông cổ mà chúng ta đang khảo sát và để chỉ một dòng sông duy nhất, cũng là dòng sông cổ đổ ra Cống Đôi đang được khảo tả. Dân gian có câu: "Lụt thì tháo nước Cống Đôi / Hạn thì cầu đảo Đầm Lôi, đền Đàm" (*Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, sđd, tr. 104).

(33). Sách *Đồng Khánh địa dư chí* (bản dịch, tập I, sđd, tr. 119) có chép: "Một dòng ao đầm Lôi Trạch trên từ xã Kênh Khê uốn quanh qua các tổng, khoảng đến tổng Diên Lão thì chia nhánh: Một nhánh chảy vào cửa Ngải Am; một nhánh chảy ra cửa biển Thái Bình; một nhánh chảy ra cửa Văn Úc". Bản đồ Đồng Khánh, phần Phủ Nam Sách, khắc họa nhánh Đầm Lôi chảy vào cửa Ngải Am kẹp giữa hai tổng Tử Đôi và Diên Lão. Trên thực địa, đó chính là Sông Tray đổ ra khu vực Cống Đôi. Hiện dấu vết của Sông Tray là một ngòi sâu, ranh giới tự nhiên giữa hai xã Tiên Minh và Đoàn Lập. Đầm lớn nhất còn lại của sông này là Đầm Tray.

(34). *Hà Đới linh từ thần phả*, viết năm Hồng Đức thứ ba (1472), sao lại năm Vĩnh Hựu thứ tư (1738); chữ Hán, hiện lưu tại đền Hà Đới, xã Tiên Thanh.

(35). *Đồng Cống xã thần tích*, Vĩnh Hựu tam niên (1737); chữ Hán, lưu giữ tại đình làng Đồng Cống, xã Tiên Thanh.

(36). *Đồng Khánh địa dư chí*, tập III: Bản đồ, Bản đồ Tỉnh Hải Dương.

(37). *Đồng Khánh địa dư chí*, bản dịch, tập I, sđd, tr. 88-89.

(38). Trần Đức Thạnh, *Đặc điểm địa hình và quá trình phát triển vùng đất Hải Phòng*, Tham luận trình bày tại Hội thảo Khoa học về Lịch sử Hải Phòng, Hải Phòng, tháng 3 năm 2002, tr. 22.

(39). Nguyễn Đức Cự, Trần Đức Thạnh, "Đặc điểm địa chất - địa mạo huyện Tiên Lãng", trong *Đất và người Tiên Lãng*, sđd, tr. 22.